

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 11 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo;

2. Ông Trần Trọng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị N, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn chị Lưu Thị N trình bày:

Chị và anh Đinh Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. N nhân do điều kiện kinh tế gia đình lâm vào cảnh khó khăn nên anh T chơi bời rượu chè, nhiều lần đánh đập vợ. Năm 2014 chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Lưu Xuân N, sinh ngày 25/10/2012. Hiện nay cháu N đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung. Chị N hiện có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N khai nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/8/2018 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo đơn khởi kiện của chị Lưu Thị N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định nhưng anh Đinh Xuân T không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đinh Xuân T không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: xét xử vắng mặt anh Đinh Xuân T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lưu Thị N ly hôn với anh Đinh Xuân T; giao con chung Đinh Lưu Xuân N, sinh ngày 25/10/2012 cho chị Lưu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đinh Xuân T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Lưu Thị N nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh thì thời điểm chị N làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh T thì anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Mặt khác, qua biên bản xác minh ngày 11/10/2018 bố đẻ anh T là ông Đinh Xuân Q xác định hiện anh T vẫn sinh sống với gia đình tại địa phương cho đến nay và các lời khai của chị N về các vấn đề liên quan đến nội dung vụ án là đúng sự thật. Tuy nhiên hiện tại anh T làm việc ở xa nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, gia đình đã liên lạc cho anh T nhưng anh T không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ thông qua điện thoại liên lạc về nhà anh T đồng ý ly hôn. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn ông Q là bố đẻ anh T đã trực tiếp nhận và đã thông báo cho anh T biết. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và

Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật đã quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị N, do áp lực kinh tế anh T thường xuyên say rượu và đánh đập vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm và cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình. Mặc khác, qua thông tin cung cấp từ phía gia đình anh T thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của N đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Hiện nay con chung Đinh Lưu Xuân N đang sinh sống cùng chị N. Chị N cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Do vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy giao con chung Đinh Lưu Xuân N cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N hiện có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lưu Thị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị N nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đinh Xuân T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn. Xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn anh Đinh Xuân T.
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đinh Lưu Xuân N, sinh ngày 25/10/2012 cho chị Lưu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đinh Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.
5. Về án phí: Chị Lưu Thị N nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002106 ngày 30 tháng 7 năm 2018. Chị Lưu Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

